

**UBND XÃ CẨM DUỆ**

**BÁO CÁO DỰ TOÁN TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 135/NQ-CP NGÀY 22/5/2026 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm Công văn số /UBND -KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Đơn vị/Nội dung	Tổng số	Trong đó							Tiết kiệm chi đầu tư phát triển theo Điều 2 Nghị quyết số 135/NQ-CP
			Tổng cộng tiết kiệm theo Điều 1 Nghị quyết số 135/NQ-CP	Tiết kiệm chi thường xuyên theo khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 135/NQ-CP			Tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên theo khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 135/NQ-CP			
				Tổng	10% chi thường xuyên NSNN theo khoản 1 điều 1 Nghị quyết số 135/NQ-CP	10% nguồn thu phí được khấu trừ để lại theo khoản 1 điều 1 Nghị quyết số 135/NQ-CP	Tổng	TK chi thường xuyên NSNN theo khoản 2 điều 1 Nghị quyết số 135/NQ-CP	TK nguồn thu phí được khấu trừ để lại theo khoản 2 điều 1 Nghị quyết số 135/NQ-CP	
A	B	1=2+9	2=3+6	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.822.318</b>	<b>1.142.318</b>	<b>931.803</b>	<b>931.803</b>	<b>-</b>	<b>210.516</b>	<b>210.516</b>	<b>-</b>	<b>680.000</b>
1	Chi quốc phòng	12.600	12.600	12.600	12.600		-			
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	29.140	29.140	29.140	29.140		-			
3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	655.180	655.180	524.144	524.144	-	131.036	131.036		
4	Chi Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	16.875	16.875	13.500	13.500		3.375	3.375		
5	Chi Y tế, dân số và gia đình	54.750	54.750	45.400	45.400	-	9.350	9.350		
6	Chi Văn hóa thông tin	49.500	49.500	39.600	39.600		9.900	9.900		
7	Chi Phát thanh, truyền hình	-	-	-	-		-	-		
8	Chi Thể dục thể thao	-	-	-	-		-	-		
9	Chi Bảo vệ môi trường	56.250	56.250	45.000	45.000		11.250	11.250		
10	Chi các hoạt động kinh tế	686.525	6.525	5.220	5.220	-	1.305	1.305		680.000
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	155.399	155.399	124.319	124.319	-	31.080	31.080		
12	Chi Bảo đảm xã hội	25.875	25.875	20.700	20.700		5.175	5.175		

STT	Đơn vị/Nội dung	Tổng số	Trong đó							
			Tổng cộng tiết kiệm theo Điều 1 Nghị quyết số 135/NQ-CP	Tiết kiệm chi thường xuyên theo khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 135/NQ-CP			Tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên theo khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 135/NQ-CP			Tiết kiệm chi đầu tư phát triển theo Điều 2 Nghị quyết số 135/NQ-CP
				Tổng	10% chi thường xuyên NSNN theo khoản 1 điều 1 Nghị quyết số 135/NQ-CP	10% nguồn thu phí được khấu trừ để lại theo khoản 1 điều 1 Nghị quyết số 135/NQ-CP	Tổng	TK chi thường xuyên NSNN theo khoản 2 điều 1 Nghị quyết số 135/NQ-CP	TK nguồn thu phí được khấu trừ để lại theo khoản 2 điều 1 Nghị quyết số 135/NQ-CP	
13	Chi ngành, lĩnh vực khác	80.225	80.225	72.180	72.180		8.045	8.045		